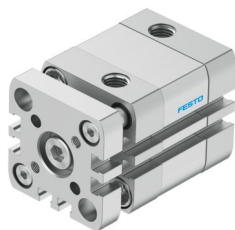


Xy lanh nhỏ gọn ADNGF-32- -

Số bộ phận: 537127



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	5 mm...300 mm
Ø pít tổng	32 mm
Dựa trên tiêu chuẩn	ISO 21287
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Pít tổng Cần piston Ổng định hình
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Phê duyệt bảo vệ EX (ATEX) Ty pít tổng liền mạch Vòng bít chịu nhiệt tối đa 120 °C Nhãn thông số được đánh laser
Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng	Trục dẫn hướng có vòng kẹp
Áp suất vận hành	0.1 MPA...1 MPA 1 bar...10 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T120°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +60°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)

Đặc tính	Giá trị
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...120 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.4 J
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	415 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luồng	483 N
Cổng nối khí nén	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vít cổ vật liệu	Thép
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu cửa phốt	TPE-U(PUR)
Vật liệu đế cuối van	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu thanh piston	thép hợp kim
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn